

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2022/ KDTM-PT

Ngày 08 tháng 4 năm 2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Thảo,

*Các Thẩm phán:* Bà Trương Thị Thảo

Ông Lê Thọ Viên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2022, 23/3/2022, 05/4/2022 và ngày 08/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2020/TLPT-KDTM ngày 09/3/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 119/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 1362/2022/QĐ-PT ngày 17/02/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 2104/2022/QĐPT-KDTM ngày 11/3/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3084/2022/QĐPT-KDTM ngày 23/3/2022 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 02 H, phường T, quận B, Thành phố. H

Địa chỉ liên lạc: 28-30-32 M, phường B, Quận A, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Đắc N, sinh năm 1976 và ông Phạm Chu K, sinh năm 1967 (Văn bản ủy quyền số 705/UQ-TTSG-TH ngày 07/5/2020, số 1162/UQ-TTSG-TH ngày 17/7/2020, số 390/UQ-TTSG-TH ngày 05/4/2022) (cả hai có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa A(Tên cũ: Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế V)

Địa chỉ: 15-16 P, Phường C, quận G, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hải Minh A – Giám đốc

Địa chỉ: 671 N, Phường C, quận G, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Ngọc L, sinh năm: 1976 (có mặt)

Địa chỉ: 84 A, Phường D, quận G, Thành phố H.

Văn bản ủy quyền ngày 21/3/2022

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lại Xuân Y Sinh năm: 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: 210 T, phường C, Quận D, Thành phố H

2/ Bà Nguyễn Thị T Sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: 149 Đường A, Khu phố 5, phường A, Quận B, Thành phố H

3/ Ông Vũ Văn H Sinh năm: 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: 671 N, Phường C, quận G, Thành phố H

4/ Bà Trương Thị Tuyết N Sinh năm: 1961

Địa chỉ: 671 N, Phường C, quận G, Thành phố H

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 3, Trại giam T – Cục C10 – Bộ Công an.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Ngọc L, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: 84 A, Phường D, quận G, Thành phố H.

Văn bản ủy quyền số công chứng 002666 quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/3/2022 do Phòng công chứng Đồng Phú chứng nhận.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Trương Thị Tuyết N: ông Phan Hồng V và ông Lê Văn T - Luật sư của Công ty luật TNHH LVT; Địa chỉ liên lạc: tầng 4, 454A K, Phường S, Quận F, Thành phố H. (cả 2 luật sư có mặt)

5/ Ông Nguyễn Văn M Sinh năm: 1975 (vắng mặt)

6/ Bà Trương Ngọc L Sinh năm: 1976 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 84 A, Phường D, quận G, Thành phố H.

\* Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Ngọc L và bà Trương Thị Tuyết N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự:

Ngày 29/02/2012, Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa quốc tế V, nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A (sau đây gọi tắt là Bệnh viện A) đã ký hợp đồng tín dụng 1900-LAV-201200076/HĐTD về việc vay tiền với số tiền vay là 35.400.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 19%/năm, lãi suất nợ

quá hạn là 150% lãi suất vay, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

- Quyền sử dụng đất số 00747 QSDĐ/Q4 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 07/07/2000, đăng ký thay đổi ngày 11/7/2007, diện tích là 5.322m<sup>2</sup> tại phường An Phú, Quận 2 đứng tên bà Nguyễn Thị T. Tài sản được thế chấp đảm bảo khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ ba số 1900-LCP-200801009 ngày 17/06/2008 và Biên bản bổ sung hợp đồng thế chấp số 1900-LCP-200801009 ngày 30/01/2011.

- Quyền sử dụng đất số H01801/26848 do Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp cho bà Trương Thị Tuyết N ngày 14/05/2007, diện tích 2.066,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại phường Phước Long B, Quận 9. Tài sản được thế chấp đảm bảo khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ ba số 1900-LCP-2010 ngày 10/11/2010 và Phụ lục hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 1900-LCP/2010/TC.BL1 ngày 30/11/2010 và Phụ lục hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 1900-LCP/2010/TC.BL1 ngày 30/11/2011.

- Quyền sử dụng đất số 01294 QSDĐ do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 15/06/2002, đăng ký thay đổi ngày 20/12/2007, diện tích là 3.983m<sup>2</sup> tại phường An Phú, Quận 2 đứng tên bà Trương Ngọc L. Tài sản được thế chấp đảm bảo khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ ba số 1900-LCP-2010 ngày 10/11/2010 và Phụ lục hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 1900-LCP/2010/TC.BL1 ngày 30/11/2011.

- Máy móc, thiết bị y tế là tài sản của Bệnh viện A theo các Tờ khai hàng hóa nhập khẩu và Phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu sau:

- 1/ Tờ khai số: 34116/NK/KD ngày đăng ký 12/12/2007
- 2/ Tờ khai số: 19059/NK/KD/KV3-2 ngày đăng ký 19/07/2007
- 3/ Tờ khai số: 1528/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 26/07/2007
- 4/ Tờ khai số: 20854/NK/D/5B ngày đăng ký 26/07/2007
- 5/ Tờ khai số: 31657/NK/KD/TSN ngày đăng ký 31/10/2007
- 6/ Tờ khai số: 86913/NK ngày đăng ký 20/09/2007
- 7/ Tờ khai số: 28595/NK/KD/KV3-2 ngày đăng ký 23/10/2007
- 8/ Tờ khai số: 36797/NK/KD/KV1CL ngày đăng ký 12/10/2007
- 9/ Tờ khai số: 30141/NK/KD ngày đăng ký 07/11/2007
- 10/ Tờ khai số: 21036/NK/KD/KV3-2 ngày đăng ký 08/08/2007
- 11/ Tờ khai số: 238/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 07/02/2007
- 12/ Tờ khai số: 2272/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 22/10/2007
- 13/ Tờ khai số: 1319/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 27/06/2007
- 14/ Tờ khai số: 714/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 18/04/2007
- 15/ Tờ khai số: 747/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 23/04/2007
- 16/ Tờ khai số: 1224/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 18/06/2007

17/ Tờ khai số: 4723/NK/KD/KV1-CL ngày đăng ký 07/02/2007

18/ Tờ khai số: 2559/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 26/09/2006

19/ Tờ khai số: 545/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 30/03/2007

20/ Tờ khai số: 544/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 30/03/2007

Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1900-LCP-200800268, ngày 04/11/2008 và biên bản bổ sung hợp đồng thế chấp số 1900-LCP-200800268/PL01 ngày 30/01/2011.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bệnh viện A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi. Tạm tính đến ngày 01/01/2018, Bệnh viện A còn nợ 34.985.000.000 đồng tiền gốc và 27.248.598.529 đồng tiền lãi.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bệnh viện A phải thanh toán tổng số tiền bao gồm:

- Nợ gốc: 34.985.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 25.248.864.445 đồng.
- Lãi quá hạn: 1.980.734.084 đồng.

Tổng cộng là 62.233.598.529.đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ. Thanh toán trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nếu Bệnh viện không thực hiện việc thanh toán số tiền trên, thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tuyên phát mãi các tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Ngân hàng rút lại số tiền 15.000.000.000 đồng (Gồm 10.963.958.333 đồng tiền gốc và 4.036.041.667 đồng tiền lãi) và rút lại yêu cầu phát mãi tài sản là Quyền sử dụng đất số H01801/26848 do Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp cho bà Trương Thị Tuyết N ngày 14/05/2007, diện tích 2.066,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại phường Phước Long B, Quận 9, vì số tiền và tài sản thế chấp này các bên đã tự giải quyết xong. Số tiền yêu cầu còn lại tạm tính đến ngày xét xử 13/01/2020 là:

- Nợ gốc: 24.021.041.667 đồng.
- Lãi trong hạn: 25.270.818.981 đồng.
- Lãi quá hạn: 2.059.140.169 đồng.

Tổng cộng là 51.351.000.817 đồng.

Yêu cầu thanh toán trong thời hạn 01 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 14/01/2020 bị đơn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201200076/HĐTD ngày 20/02/2012.

Nếu Bệnh viện không thực hiện việc thanh toán số tiền trên, thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tuyên phát mãi các tài sản thế chấp còn lại để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn Bệnh viện A đã được triệu tập hợp lệ vẫn không đến Tòa án ghi bản tự khai cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Xuân Y đã được triệu tập hợp lệ vẫn không đến Tòa án ghi bản tự khai cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 03/12/2019, ông Yên có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào 19/12/2007 bà Thom và chồng là ông Lại Xuân Y ký hợp đồng ủy quyền cho bà Trương Thị Tuyết N liên quan đến thửa đất số 2021, 2022 tờ bản đồ số 02, phường An Phú, Quận 2. Đến ngày 17/6/2008 bà và ông Yên ký hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 cho bên nhận thế chấp là Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Mạc Thị Bưởi cho bên vay là Bệnh viện A. Nay Bệnh viện A không trả tiền cho Ngân hàng, dẫn đến việc Ngân hàng khởi kiện, bà Thom yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về tài sản đảm bảo. Đồng thời, bà Thom có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Tuyết N không đồng ý với yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp của Ngân hàng. Lý do là bà N chỉ ký các hợp đồng thế chấp các tài sản bảo đảm cho bệnh viện Vũ Anh từ thời điểm năm 2008 và ký để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng khác chứ không phải cho hợp đồng tín dụng năm 2012.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn H trình bày: Ông Hải và vợ là bà Trương Thị Tuyết N có dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 786544 của thửa đất số 501 tờ bản đồ số 80 phường Phước Long B, Quận 9 để bảo lãnh cho Bệnh viện A vay tiền tại Ngân hàng N. Do bà N bị bắt từ ngày 27/4/2013 nên từ đó đến nay Bệnh viện A không trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Ông đã làm việc trực tiếp với Ngân hàng và đang thông nhất phương án trả nợ. Đồng thời ông có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Ngọc L trình bày: Ngày 26/11/2008, bà L có ký hợp đồng ủy quyền công chứng số 039861 tại Phòng công chứng số 1 về thửa đất số 2113, tờ bản đồ số 02, phường An Phú, Quận 2 cho bà Trương Thị Tuyết N. Bà N đã thế chấp tài sản nói trên để bảo đảm khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp và nông thôn Việt Nam. Nay Ngân hàng khởi kiện Công ty TNHH Bệnh viện A để đòi nợ, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm. Đồng thời bà L có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M (chồng bà Trương Ngọc L) cũng có lời trình bày như bà L. Đồng thời ông M có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bản án kinh doanh thương mại số 03/2020/KDTM-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 217; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A (tên cũ Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế V).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền tạm tính đến ngày 13/01/2020 là 51.351.000.817 (Năm một tỷ ba trăm năm một triệu tám trăm mười bảy) đồng (bao gồm: 24.021.041.667 đồng tiền gốc và 27.329.959.150 đồng tiền lãi) trong thời hạn một tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đến thời hạn trả nợ, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất số 00747 QSDĐ/Q4 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 07/07/2000, đăng ký thay đổi ngày 11/7/2007, diện tích là 5.322m<sup>2</sup> tại phường An Phú, Quận 2 đứng tên bà Nguyễn Thị T.

- Quyền sử dụng đất số 01294 QSDĐ do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 15/06/2002, đăng ký thay đổi ngày 20/12/2007, diện tích là 3.983m<sup>2</sup> tại phường An Phú, Quận 2 đứng tên bà Trương Ngọc L.

- Máy móc, thiết bị y tế là tài sản của Bệnh viện A theo các Tờ khai hàng hóa nhập khẩu và Phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu sau:

1/ Tờ khai số: 34116/NK/KD ngày đăng ký 12/12/2007

2/ Tờ khai số: 19059/NK/KD/KV3-2 ngày đăng ký 19/07/2007

3/ Tờ khai số: 1528/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 26/07/2007

4/ Tờ khai số: 20854/NK/D/5B ngày đăng ký 26/07/2007

5/ Tờ khai số: 31657/NK/KD/TSN ngày đăng ký 31/10/2007

6/ Tờ khai số: 86913/NK ngày đăng ký 20/09/2007

7/ Tờ khai số: 28595/NK/KD/KV3-2 ngày đăng ký 23/10/2007

8/ Tờ khai số: 36797/NK/KD/KV1CL ngày đăng ký 12/10/2007

9/ Tờ khai số: 30141/NK/KD ngày đăng ký 07/11/2007

10/ Tờ khai số: 21036/NK/KD/KV3-2 ngày đăng ký 08/08/2007

- 11/ Tờ khai số: 238/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 07/02/2007
- 12/ Tờ khai số: 2272/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 22/10/2007
- 13/ Tờ khai số: 1319/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 27/06/2007
- 14/ Tờ khai số: 714/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 18/04/2007
- 15/ Tờ khai số: 747/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 23/04/2007
- 16/ Tờ khai số: 1224/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 18/06/2007
- 17/ Tờ khai số: 4723/NK/KD/KV1-CL ngày đăng ký 07/02/2007
- 18/ Tờ khai số: 2559/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 26/09/2006
- 19/ Tờ khai số: 545/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 30/03/2007
- 20/ Tờ khai số: 544/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 30/03/2007

Sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A trả hết số nợ gốc và lãi thì Ngân hàng N có trách nhiệm:

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn M và bà Trương Ngọc L bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01294 QSDĐ do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 15/06/2002, đăng ký thay đổi ngày 20/12/2007.

- Trả lại cho ông Lại Xuân Y và bà Nguyễn Thị T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00747 QSDĐ/Q4 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 07/07/2000, đăng ký thay đổi ngày 29/12/2004 và ngày 11/7/2007.

- Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A bản chính những Tờ khai hàng hóa nhập khẩu và phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1900-LCP-200800268, ngày 04/11/2008).

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản tiền 15.000.000.000 đồng (Gồm 10.963.958.333 đồng tiền gốc và 4.036.041.667 đồng tiền lãi) và yêu cầu phát mãi tài sản là Quyền sử dụng đất số H01801/26848 do Ủy ban nhân dân Quận 9 cấp cho bà Trương Thị Tuyết N ngày 14/05/2007.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 159.351.000 (Một trăm năm mươi chín triệu ba trăm năm mươi một ngàn) đồng.

Ngân hàng N không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền 83.986.370 (Tám mươi ba triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi) đồng án phí tạm nộp theo biên lai số 0028371 ngày 09/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

### 4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày 14/01/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-

201200076/HĐTD ngày 29/02/2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ngoài ra, bản án còn quyết định quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/02/2020, bà Trương Ngọc L kháng cáo về phần tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng đất của bà.

Ngày 02/02/2020, bà Trương Thị Tuyết N kháng cáo và được trại giam Tổng Lê Chân xác nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Trương Thị Tuyết N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy án sơ thẩm lý do: thẩm quyền giải quyết vụ án theo Hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận chọn nơi có trụ sở của Chi nhánh A thì phải là Tòa án nhân dân Quận 1 không phải Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Ngoài việc đưa bà N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do vợ chồng bà N thế chấp đất thì cũng phải đưa bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì bà là người đã ký kết các hợp đồng, nếu không đưa thì phải đưa bà với tư cách người làm chứng vì bà là người trực tiếp làm. Tại sơ thẩm bà N chỉ được tham gia phiên tòa, ngày tuyên án bà không có mặt thì cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng? Biên bản nghị án không ghi phần biểu quyết thông qua theo quy định Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, thực tế bà N có ký giấy nhận tiền nhưng mẫu chốt bà N không nhận tiền, ngân hàng cũng không chứng minh được đã giao tiền cho bà N theo phương thức nào, đây là phần sơ thẩm chưa thu thập đủ tài liệu chứng cứ. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201200076/HĐTD ngày 29/02/2012 thì bà N không ký bất kỳ Phụ lục hợp đồng nào, toàn bộ phụ lục ký đều trước ngày 29/02/2012, đây là các Phụ lục hợp đồng bảo đảm cho các hợp đồng bà N ký từ năm 2007-2011 trong đó có Công ty V (mà đến nay cũng đã hết thời hạn), không có thanh lý hợp đồng. Đối với tài sản bảo đảm là thiết bị y tế mãi đến ngày 31/10/2017 Agribank mới đăng ký giao dịch bảo đảm.

Đại diện cho bà N, bà L trình bày: Đồng ý với luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà N về việc bị đơn vắng mặt mà không đưa bà N tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng hay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà N không nhận 35,4 tỷ đồng nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Đơn đề nghị vay vốn và hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201200076/HĐTD ngày 29/02/2012 tài sản bảo đảm chỉ 03 quyền sử dụng đất không có tài sản là các tờ khai hàng hóa, thủ tục thế chấp không đúng vì vậy bà N không đồng ý trả tiền cho ngân hàng, đề nghị trả giấy tờ nhà lại cho chủ sở hữu.

Với tư cách cá nhân bà L trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm vì: thiếu người tham gia tố tụng là Công ty V do tài sản thế chấp diện tích là 3.983m<sup>2</sup> thuộc thửa 2113 tờ bản đồ số 2 tại phường An Phú, Quận 2 của bà dùng để thế chấp cho khoản vay của Công ty V, ngân hàng không chứng minh được tài sản của bà đưa vào thế chấp cho Công ty A thì phải trả lại cho bà

Với tư cách đại diện bị đơn bà đồng ý với kháng cáo của bà L, bà N, không có tài sản thế chấp cho Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201200076/HĐTD ngày 29/02/2012.

Nguyên đơn trình bày: cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đơn kháng cáo của bà N không kháng cáo về tố tụng, bà N không có quyền kháng cáo phần nội dung của bị đơn vì bà không phải người đại diện theo pháp luật. Bà N trình bày trong đơn về số tiền 161 tỷ đồng không thuộc phạm vi giải quyết trong hồ sơ này. Đối với vai trò của Công ty V không cần thiết phải đưa vào là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201200076/HĐTD ngày 29/02/2012 không có Công ty V. Bà N cho rằng không nhận tiền nhưng thực tế bà N có ký nhận và xác nhận công nợ đầy đủ.

Bị đơn phải trả số tiền gốc, tiền lãi. Trường hợp đến hạn trả nợ, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Xuân Y, bà Nguyễn Thị T, ông Vũ Văn H, ông Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc ủy quyền đúng theo quy định. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Tuyết N và bà Trương Ngọc L. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 03/01/2018 của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào địa chỉ của bị đơn, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà L và bà N kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 21/3/2022 bị đơn Công ty A ủy quyền hợp pháp cho bà L; ngày 07/3/2022 bà N ủy quyền hợp pháp cho bà L thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và bà N tại phiên tòa phúc thẩm, ủy quyền hợp lệ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Các đương sự khác đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Ngày 02/02/2020, bà Trương Thị Tuyết N kháng cáo và được trại giam T xác nhận. Tại Quyết định chấp nhận việc kháng cáo số 10/2021 ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng cáo của bà N đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28/4/2021 cấp sơ thẩm có thông báo cho bà N nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, bà N đã thực hiện việc nộp tạm ứng án phí kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà N và chứng cứ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy: thẩm quyền giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, nhận định của Tòa cấp sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với đề nghị đưa bà N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do bà là người đã ký kết các hợp đồng, nếu không đưa thì phải đưa bà với tư cách người làm chứng vì bà là người trực tiếp làm là không cần thiết vì án sơ thẩm đã đưa bà N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Về đơn phản tố của bà N do bà N tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên bà được quyền làm đơn yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn hoặc bị đơn không phải phản tố. Mặt khác đơn chỉ là bản photo, không ghi rõ kiện ai, 161 tỷ đồng bà đề cập đến của hợp đồng nào vì vậy cấp sơ thẩm không xét đơn của bà là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc bà N tham gia phiên tòa ngày 13/01/2020, ngày tuyên án bà không được trích xuất có mặt tại tòa nhưng bà vẫn được bảo đảm quyền lợi theo quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng.

Biên bản nghị án không ghi phần biểu quyết thông qua theo quy định Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy tại bản Báo cáo giải trình về việc nghị án Bản án số 03/2020/KDTM-ST ngày 06/4/2022 của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã trình bày nội dung quyết định đã được Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết thông qua tại phòng nghị án theo quy định của pháp luật nhưng do thiếu sót về lỗi đánh máy nên trong biên bản không có phần biểu quyết. Đây là thiếu sót cần được cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hủy án để về sơ thẩm giải quyết lại.

Xét Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201200076/HĐTD ngày 29/02/2012 là một giao dịch dân sự đã thỏa mãn các điều kiện theo quy định Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005 nên giao dịch có hiệu lực. Tại tòa luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà N cho rằng bà N ký nhưng không nhận tiền. Căn cứ “Giấy lĩnh tiền vay” các ngày 29/02/2012, 01/3/2012, 02/3/2012 thì bà N đại diện cho bị đơn nhận đủ số tiền ngân hàng đã giải ngân, trong văn bản ngày 29/01/2016 của bị đơn gửi cho nguyên đơn, Biên bản làm việc ngày 16/7/2013 bị đơn vẫn xác nhận nợ và đề ra kế hoạch trả nợ thì lời trình bày của luật sư và bà L về việc bị đơn không nhận tiền nên không có nghĩa vụ trả nợ là không có cơ sở chấp nhận.

Xét về tài sản thế chấp diện tích là 3.983m<sup>2</sup> thuộc thửa 2113 tờ bản đồ số 2 tại phường An Phú, Quận 2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U396111 do bà N đại diện bà L, ông M thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ ba số 1900-LCP-2010 ngày 10/11/2010, đây là tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH đầu tư xây dựng Vũ Lan theo hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201001028/HĐTD ngày 12/11/2010.

Căn cứ vào Chứng từ giao dịch ngày 30/01/2011 thì của Công ty TNHH đầu tư xây dựng V đã tất toán xong khoản vay. Ngày 30/01/2011 bị đơn có bà N đại diện tiếp tục vay của nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201100080/HĐTD và ngày 29/02/2012 bị đơn có bà N đại diện tiếp tục vay của nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201200076/HĐTD. Ngày 30/11/2011 bà N tiếp tục dùng Hợp đồng ủy quyền số công chứng 039861 ngày 26/11/2008 để tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 1900-LCP/2010/TC.BL1 ngày 30/11/2011. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào Khoản 3 Điều 23 Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-BTP-BTNMT ngày 16/6/2005 hướng dẫn đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do Bộ Tư Pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành (hết hiệu lực 15/01/2012) quy định: “3. Trường hợp bổ sung giá trị nghĩa vụ được bảo đảm mà không bổ sung tài sản bảo đảm và các bên ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung hoặc ký phụ lục hợp đồng để sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp đã đăng ký thì các bên không phải thực hiện đăng ký thay đổi đối với văn bản sửa đổi, bổ sung đó”. Vì vậy bà L và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà N cho rằng Phụ lục hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 1900-LCP/2010/TC.BL1 ngày 30/11/2011 không phát sinh hiệu lực, bà L không đồng ý lấy tài sản bảo đảm cho khoản vay của bị đơn là không có cơ sở. Bà N đại diện

bà L và ông M ký thế chấp trong thời gian Hợp đồng ủy quyền còn hiệu lực thì bà Lan, ông M phải tự chịu trách nhiệm về việc đã ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 586 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Với tư cách đại diện cho bà N, bà L không đồng ý với bản án sơ thẩm, vì Đơn đề nghị vay vốn và hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201200076/HĐTD ngày 29/02/2012 tài sản bảo đảm chỉ 03 quyền sử dụng đất không có tài sản là các tờ khai hàng hóa. Căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản số 1900-LCP-200800268 ngày 04/11/2008 thì Công ty TNHH Bệnh viện khách sạn đa khoa Quốc tế V đã dùng 20 tài sản là thiết bị y tế theo các hóa đơn chứng từ tờ khai hàng hóa nhập khẩu để thế chấp bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200700427 ngày 19/3/2007. Căn cứ vào Chứng từ giao dịch ngày 30/01/2011 thì Công ty TNHH Bệnh viện khách sạn đa khoa Quốc tế V đã tất toán xong khoản vay. Ngày 30/01/2011 bà N tiếp tục đại diện Công ty TNHH Bệnh viện khách sạn đa khoa Quốc tế V ký Biên bản bổ sung Hợp đồng thế chấp “Tiếp tục dùng tài sản thế chấp số 1900-LCP-200800268 ngày 04/11/2008, trị giá 56.272.824 đồng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế V. Vì vậy bà N trình bày trong đơn kháng cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Từ các phân tích trên xét thấy kháng cáo của bà L, bà N không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bà L, bà N không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà L, bà N phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Tuyết N và bà Trương Ngọc L.

- Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản tiền 15.000.000.000 đồng (Gồm 10.963.958.333 đồng tiền gốc và 4.036.041.667 đồng tiền lãi) và yêu cầu phát mãi tài sản là Quyền sử dụng đất số

H01801/26848 do Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là thành phố Thủ Đức) cấp cho bà Trương Thị Tuyết N ngày 14/05/2007.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng N đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A (tên cũ Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế V).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền tạm tính đến ngày 13/01/2020 là 51.351.000.817 (Năm một tỷ ba trăm năm một triệu tám trăm mười bảy) đồng (bao gồm: 24.021.041.667 đồng tiền gốc và 27.329.959.150 đồng tiền lãi) trong thời hạn một tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đến thời hạn trả nợ, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00747 QSDĐ/Q4 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 07/07/2000, đăng ký thay đổi ngày 11/7/2007, diện tích là 5.322m<sup>2</sup> tại phường An Phú, Quận 2 đứng tên bà Nguyễn Thị T.

- Quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01294 QSDĐ do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 15/06/2002, đăng ký thay đổi ngày 20/12/2007, diện tích là 3.983m<sup>2</sup> tại phường An Phú, Quận 2 đứng tên bà Trương Ngọc L.

- Máy móc, thiết bị y tế là tài sản của Bệnh viện A theo các Tờ khai hàng hóa nhập khẩu và Phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu sau:

- 1/ Tờ khai số: 34116/NK/KD ngày đăng ký 12/12/2007
- 2/ Tờ khai số: 19059/NK/KD/KV3-2 ngày đăng ký 19/07/2007
- 3/ Tờ khai số: 1528/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 26/07/2007
- 4/ Tờ khai số: 20854/NK/D/5B ngày đăng ký 26/07/2007
- 5/ Tờ khai số: 31657/NK/KD/TSN ngày đăng ký 31/10/2007
- 6/ Tờ khai số: 86913/NK ngày đăng ký 20/09/2007
- 7/ Tờ khai số: 28595/NK/KD/KV3-2 ngày đăng ký 23/10/2007
- 8/ Tờ khai số: 36797/NK/KD/KV1CL ngày đăng ký 12/10/2007
- 9/ Tờ khai số: 30141/NK/KD ngày đăng ký 07/11/2007
- 10/ Tờ khai số: 21036/NK/KD/KV3-2 ngày đăng ký 08/08/2007
- 11/ Tờ khai số: 238/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 07/02/2007
- 12/ Tờ khai số: 2272/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 22/10/2007
- 13/ Tờ khai số: 1319/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 27/06/2007
- 14/ Tờ khai số: 714/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 18/04/2007
- 15/ Tờ khai số: 747/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 23/04/2007

16/ Tờ khai số: 1224/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 18/06/2007

17/ Tờ khai số: 4723/NK/KD/KV1-CL ngày đăng ký 07/02/2007

18/ Tờ khai số: 2559/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 26/09/2006

19/ Tờ khai số: 545/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 30/03/2007

20/ Tờ khai số: 544/NK/ĐT/ĐT ngày đăng ký 30/03/2007

Sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A trả hết số nợ gốc và lãi thì Ngân hàng N có trách nhiệm:

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn M và bà Trương Ngọc L bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01294 QSDĐ do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 15/06/2002, đăng ký thay đổi ngày 20/12/2007.

- Trả lại cho ông Lại Xuân Y và bà Nguyễn Thị T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00747 QSDĐ/Q4 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 07/07/2000, đăng ký thay đổi ngày 29/12/2004 và ngày 11/7/2007.

- Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A bản chính những Tờ khai hàng hóa nhập khẩu và phụ lục tờ khai hàng hóa nhập khẩu (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1900-LCP-200800268, ngày 04/11/2008).

Kể từ ngày 14/01/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201200076/HĐTD ngày 29/02/2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

### 3. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Bệnh viện đa khoa A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 159.351.000 (Một trăm năm mươi chín triệu ba trăm năm mươi một ngàn) đồng.

Ngân hàng N không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền 83.986.370 (Tám mươi ba triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi) đồng án phí tạm nộp theo biên lai số 0028371 ngày 09/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bà Trương Thị Tuyết N phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0028418 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trương Ngọc L phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2019/0025680 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS quận Gò Vấp;
- TAND quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Bích Thảo**